

|                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |                                                                                                                                                       |                                 |                                                  |             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|
| Đặc điểm kỹ thuật chính                                                                                                                                                                                                                                                         |  |                                                                                                                                                       |                                 |                                                  |             |
| Sản phẩm Mô hình và tên                                                                                                                                                                                                                                                         |  | Nước Xe tăng xe tăng                                                                                                                                  |                                 |                                                  |             |
| Tổng hợp Trọng lượng (kg)                                                                                                                                                                                                                                                       |  | 7450                                                                                                                                                  | Lái xe kiểu                     | 4x2                                              |             |
| Tải trọng (kg)                                                                                                                                                                                                                                                                  |  | 2000                                                                                                                                                  | hoàn thành Kích thước (mm)      | 6850x2285x2930                                   |             |
| Kerbstone Trọng lượng (kg)                                                                                                                                                                                                                                                      |  | Tăng lên đến R.                                                                                                                                       | xe taxi Chỗ ngồi                | Vi                                               |             |
| Cách tiếp cận / khởi hành Góc (°)                                                                                                                                                                                                                                               |  | 20/13                                                                                                                                                 | Trước sau Hang (mm)             | 1180/1815                                        |             |
| Trục KHÔNG.                                                                                                                                                                                                                                                                     |  | 2                                                                                                                                                     | Cơ sở chiều dài (mm)            | 3800                                             |             |
| Trục Tải (kg)                                                                                                                                                                                                                                                                   |  | 3050/4400                                                                                                                                             | Tối đa Tốc độ (km / h)          | Chín mươi                                        |             |
| Thông số kỹ thuật khung gầm                                                                                                                                                                                                                                                     |  |                                                                                                                                                       |                                 |                                                  |             |
| lốp xe máy bay Lý tưởng                                                                                                                                                                                                                                                         |  | AKL070TJ9AD3                                                                                                                                          | Hiệu quả                        | Dongfeng Motor Co., Ltd.                         |             |
| Nhãn hiệu Tên                                                                                                                                                                                                                                                                   |  | Dongfeng                                                                                                                                              | Kích thước (mm)                 | 6695 × 2285 × 2350                               |             |
| Lốp xe Sự chỉ rõ                                                                                                                                                                                                                                                                |  | 7.50R16                                                                                                                                               | Lốp xe KHÔNG.                   | Vi                                               |             |
| Thép Mùa xuân số                                                                                                                                                                                                                                                                |  | 11/9 + 7,8 / + Bảy X.                                                                                                                                 | Đăng trước Căn cứ theo dõi (mm) | 1835.1750                                        |             |
| Nhiên liệu kiểu                                                                                                                                                                                                                                                                 |  | Dầu diesel                                                                                                                                            | Ở phía sau Căn cứ theo dõi (mm) | 1640.1586                                        |             |
| Khí thải tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                             |  | Euro Ba                                                                                                                                               | Chuyển khoản                    | Năm Bánh răng chuyển tiếp, 1 bánh răng đảo ngược |             |
| Động cơ Lý tưởng                                                                                                                                                                                                                                                                |  | Động cơ Hiệu quả                                                                                                                                      | Sự dịch chuyển (ML)             | Sức mạnh (kW)                                    | Mã lực (HP) |
| CryA4102-C3C                                                                                                                                                                                                                                                                    |  | Dongfeng Chaoyang Chaochai Power TNHH                                                                                                                 | 3856                            | Tám mươi tám                                     | 120         |
| Hiệu suất xe tải chữa cháy bể chứa nước                                                                                                                                                                                                                                         |  |                                                                                                                                                       |                                 |                                                  |             |
| Nước Khối lượng bể (L)                                                                                                                                                                                                                                                          |  | 4000                                                                                                                                                  |                                 |                                                  |             |
| Ngọn lửa Màn hình                                                                                                                                                                                                                                                               |  | Ngọn lửa 360 ° theo mô hình PS30, xoay theo dõi cấp độ, Tối đa Chiều cao + 45 °, góc trầm cảm tối đa -15°, Chảy Tỷ lệ: 30L / s, phạm vi ≥55m / 1.0MPa |                                 |                                                  |             |
| máy bơm chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                               |  | Mô hình: CB10 / 20 Tốc độ dòng chảy: áp suất 20L / s: 1.0MPa                                                                                          |                                 |                                                  |             |
| Tính năng xe tải xe tăng nước                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                                                                                       |                                 |                                                  |             |
| A. Xe tải chữa cháy bể chứa nước chủ yếu là Taxi, bể nước, nhà máy bơm nước, hộp dụng cụ, làm bằng máy bơm nước, và Hệ thống nước đầu vào và đầu ra, giám sát hỏa lực, báo thức điện tử, đèn báo động Attkkparts.                                                               |  |                                                                                                                                                       |                                 |                                                  |             |
| Xe tải giao hàng được phân chia B.the Phòng. Hành khách phía trước ở phần trung tâm của ba phần được bơm Phần phía sau của thân nhà. Phần trước của thân xe là xe tải nước Xe tăng, hộp công cụ phía sau.                                                                       |  |                                                                                                                                                       |                                 |                                                  |             |
| C. Tính năng công suất cao, tốc độ cao V.v ... khả năng mang chất lỏng và lớn đã được áp dụng CAB. Với chỗ ngồi Hoạt động dễ dàng và tập trung, bảo trì dễ dàng,                                                                                                                |  |                                                                                                                                                       |                                 |                                                  |             |
| D. nó được sử dụng rộng rãi trong vụ cháy an ninh công cộng Lữ đoàn, ngành hóa chất dầu khí, nhà máy và mỏ, doanh nghiệp và Cổng, nhà ga và những nơi khác để cứu các đám cháy dầu lớn và chung Vật liệu dùng lửa lớn và trung bình là lớn ở các thành phố. Thiết bị chữa cháy. |  |                                                                                                                                                       |                                 |                                                  |             |

## Nhà cung cấp xe tải chữa cháy bể chứa nước Dongfeng ở Trung Quốc

Trong hình dưới đây:









Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clwtruck.com](mailto:brenda@clwtruck.com)



Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)



Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)